TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 15 - 11 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân
Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà
Ông Huỳnh Văn Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dễ – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 56/2018/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 72/2018/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 286/2018/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị T, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ngân hàng N – Chi nhánh huyện P, tỉnh Cà Mau; địa chỉ: Ấp C, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Ông Trần Văn Đ là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Võ Thị T và ông Trần Văn Đ thành hôn chung sống với nhau năm 1983, không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu

thuẫn, bất đồng quan điểm, tính ý không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Bà T và ông Đ đã sống ly thân từ năm 2006, nay bà yêu cầu Tòa án xét xử cho ly hôn, được ông Đ đồng ý.

Con chung có 02 người: Trần Văn T, sinh năm 1984, Trần Thị T, sinh năm 1988, cả hai đã trưởng thành và đã tạo lập gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Năm 1993, cha mẹ chồng cho 01 phần đất nuôi trồng thủy sản tại thửa 165, diện tích 10.710m^2 và thửa 166, diện tích 1.650m^2, tờ bản đồ số 3 năm 1993, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 24/01/1994, tọa lạc tại ấp L, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau, đã chuyển nhượng cho ông Trần Văn A. Sau đó, vợ chồng nhận chuyển nhượng phần đất khác gồm: Thửa số 170, đất nuôi trồng thủy sản, diện tích 6.650m^2 và thửa số 169, đất vườn diện tích 700m^2 và đất thổ cư diện tích 300m^2, tờ bản đồ số 3, năm 1993, tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 24/01/1994, hiện ông Đ đang quản lý.

Nợ chung: Bà T xác định thời điểm ly thân 2006, nợ Ngân hàng N – Chi nhánh huyện P, tỉnh Cà Mau 26.000.000đ. Ông Đ xác định sau khi bà T bỏ đi có vay thêm 122.000.000đ. Đến 31/7/2018 đã thanh toán xong vốn và lãi.

Bà T yêu cầu ly hôn với ông Đ, con chung không yêu cầu xem xét, nợ chung ông Đ có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng, tài sản chung yêu cầu được chia ½ diện tích đất và nhận bằng giá trị.

Ông Đ đồng ý ly hôn bà T, đồng ý tự thanh toán nợ với Ngân hàng, không đồng ý chia đất cho bà T vì đất là do cha mẹ ruột cho riêng trước khi ông lập gia đình.

Ngân hàng N – Chi nhánh huyện P, tỉnh Cà Mau không có ý kiến gì về việc ông Đ và bà T vay nợ và thanh lý nợ của Ngân hàng.

Tại bản án sơ thẩm số: 72/2018/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau căn cứ các Điều 55, 33 và 59 của Luật hôn nhân và gia đình; áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án quyết định:

Chấp nhận cho bà Võ Thị T ly hôn ông Trần Văn Đ.

Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị T: Chia cho bà Võ Thị T diện tích đất 5.000m^2 nhưng được nhận bằng giá trị đất. Buộc ông Trần Văn Đ phải giao cho bà Võ Thị T số tiền bằng giá trị 5.000m^2 đất là 173.610.000 đồng. Chia cho ông Trần Văn Đ diện tích đất 5.302,9m^2. Giữ nguyên hiện trạng diện tích đất theo đo đạc thực tế là 10.302,9m^2 cho ông Trần Văn Đ quản lý sử dụng, đất tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, ông Trần Văn Đ có đơn kháng cáo không chấp nhận chia tài sản chung cho bà Võ Thị T. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Văn Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Lý do đất là của cha mẹ ruột cho ông trước khi lập gia đình; bà T bỏ nhà đi từ năm 2006, nay đòi chia tài sản ông không đồng ý.

Bà Võ Thị T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, không đồng ý kháng cáo của ông Trần Văn Đ, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn Đ; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Trần Văn Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm ông Trần Văn Đ và bà Võ Thị T đều thừa nhận thống nhất với nhau về nguồn gốc tài sản chung của vợ chồng như sau: Diện tích 10.710m^2 đất thửa 165 và 1.650m^2 đất thửa 166, tờ bản đồ số 3, năm 1993, tọa lạc tại ấp L, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 24/01/1994, có nguồn gốc là do cha mẹ chồng cho. Bà T xác định cho năm 1993 trong thời kỳ hôn nhân. Ông Đ xác định cho năm 1977 trước khi lập gia đình. Song phần đất này vợ chồng đã chuyển nhượng cho ông Trần Văn A (chưa chuyển tên trong giấy). Sau đó vợ chồng nhận chuyển nhượng lại phần đất khác hiện ông Đ đang quản lý có diện tích 6.650m^2 đất nuôi trồng thủy sản, 700m^2 đất vườn và 300m^2 đất thổ cư, tại thửa số 170 và 169, tờ bản đồ số 3, năm 1993, tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C329557 do Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước cấp ngày 24/01/1994. Theo đo đạc thực tế tổng diện tích là 10.302,9m^2.

[2] Ông Trần Văn Đ cho rằng đất là tài sản riêng do cha mẹ ruột cho trước khi lập gia đình nên không đồng ý chia cho bà Võ Thị T là không có cơ sở. Bởi lẽ, đất do cha mẹ ông Đ cho là phần đất tọa lạc tại ấp L, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau, vợ chồng ông đã chuyển nhượng cho người khác trong thời kỳ hôn nhân để chuyển nhượng lại đất hiện nay ông Đ đang quản lý tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau. Án sơ thẩm xác định đất này là tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, là tài sản chung của vợ chồng theo khoản 1 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình để chia cho vợ chồng là có căn cứ pháp luật. Mặt khác, án sơ thẩm đã có xem xét nguồn gốc, công sức đóng góp vào việc duy trì và phát triển khối tài sản chung của ông Đ nhiều hơn bà T nên đã phân chia cho ông Đ diện tích đất nhiều hơn và chỉ giao trả cho bà T nhận bằng tiền theo giá trị đất do các bên tự thống nhất thỏa thuận là có cơ sở, đảm bảo được quyền và lợi

ích chính đáng của mỗi bên. Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Đ, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử đối với các đương sự.

[3] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đ phải chịu án dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn Đ; giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 72/2018/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị T về chia tài sản chung: Chia cho bà Võ Thị T diện tích đất 5.000m^2 nhưng được nhận bằng giá trị đất. Buộc ông Trần Văn Đ phải giao cho bà Võ Thị T số tiền bằng giá trị 5.000m^2 đất là 173.610.000 đồng. Chia cho ông Trần Văn Đ diện tích đất 5.302,9m^2. Giữ nguyên hiện trạng diện tích đất theo đo đạc thực tế là 10.302,9m^2 cho ông Trần Văn Đ quản lý sử dụng, đất tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

2. Về án phí: Ông Trần Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Ngày 17/8/2018, ông Đ đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007228, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P được chuyển thu án phí.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Trọng Nhân